

HỌ TÊN:

CHỨC VỤ:

KHOẢNG CÁCH CHỮ CHỮ KÉP

BÁO CÁO QUẢN LÝ RỦI RO VÀ TÀI CHÍNH CÔNG TY

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SẢN LƯỢNG SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ

CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ RỦI RO VÀ TÀI CHÍNH CÔNG TY

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ RỦI RO VÀ TÀI CHÍNH CÔNG TY

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ RỦI RO VÀ TÀI CHÍNH CÔNG TY

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SẢN LƯỢNG SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ CÔNG TY

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN TC CAPITAL VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Hà Nội, tháng 08 năm 2022

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	4
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG	5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 13

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Tư vấn đầu tư chứng khoán TC Capital Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng thành viên

Ông Tommy Tan	Chủ tịch
Ông Lê Tiên Nam	Phó Chủ tịch
Ông Ravi Chidambaram	Thành viên
Ông Nguyễn Hoàng Thái	Thành viên
Ông Đặng Quốc Hùng	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Đặng Quốc Hùng	Tổng Giám đốc
--------------------	---------------

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ hoạt động. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và áp dụng kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Đặng Quốc Hùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 08 năm 2022

Số: 194/2022/BCSX-AVI-TC1

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Hội đồng thành viên và Ban giám đốc
Công ty TNHH Tư vấn đầu tư chứng khoán TC Capital Việt Nam**

Chúng tôi đã thực hiện soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty TNHH Tư vấn đầu tư chứng khoán Việt Nam ("gọi tắt là Công ty") được lập ngày 09/08/2022 và được trình bày từ trang 04 đến trang 13 bao gồm Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ tại ngày 30/06/2022, Báo cáo kết quả hoạt động riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty TNHH Tư vấn đầu tư chứng khoán TC Capital Việt Nam tại ngày 30/06/2022 cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính và các qui định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính áp dụng cho công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam.



CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
KIỂM TOÁN
AN VIỆT
QUẬN HAI BÀ TRƯNG, TP. HÀ NỘI

Vũ Bình Minh
Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 0034-2018-055-1

**Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT**

Hà Nội, ngày 09 tháng 08 năm 2022

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

MẪU SỐ B01a - CTCK

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		17.740.351.597	18.557.460.482
I. Tài sản tài chính	110		17.584.949.770	18.405.004.020
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111		17.584.949.770	18.405.004.020
1.1. Tiền	111.1	5	17.584.949.770	18.405.004.020
II. Tài sản ngắn hạn khác	130		155.401.827	152.456.462
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	133		1.333.336	3.333.334
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	135		18.760.731	12.815.368
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	136	7	135.307.760	135.307.760
4. Tài sản ngắn hạn khác	137		-	1.000.000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		17.847.322	20.953.526
I. Tài sản cố định	220		9.705.437	19.410.881
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6	9.705.437	19.410.881
- Nguyên giá	222		96.363.636	96.363.636
- Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(86.658.199)	(76.952.755)
II. Tài sản dài hạn khác	250		8.141.885	1.542.645
1. Chi phí trả trước dài hạn	252		8.141.885	1.542.645
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		17.758.198.919	18.578.414.008
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		48.674.023	44.064.241
I. Nợ ngắn hạn	310		48.674.023	44.064.241
1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	7	6.203.463	4.064.241
2. Chi phí phải trả ngắn hạn	325		35.000.000	40.000.000
3. Các khoản phải trả, phải nộp khác	329		7.470.560	-
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		17.709.524.896	18.534.349.767
I. Vốn chủ sở hữu	410	8	17.709.524.896	18.534.349.767
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		20.879.456.000	20.879.456.000
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		20.823.458.000	20.823.458.000
1.2. Vốn khác của chủ sở hữu	411.4		55.998.000	55.998.000
2. Lợi nhuận chưa phân phối	417		(3.169.931.104)	(2.345.106.233)
2.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	417.1		(3.169.931.104)	(2.345.106.233)
TỔNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	440		17.758.198.919	18.578.414.008

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

CHỈ TIÊU	30/06/2022	01/01/2022
1. Ngoại tệ các loại - USD	410,14	416,74

Hà Nội, ngày 09 tháng 08 năm 2022

Người lập

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc



Lương Thị Hải Lý

Lương Thị Hải Lý

Đặng Quốc Hùng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

MẪU SỐ B02a - CTCK
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ so sánh
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1.1. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42		662.943	560.875
Cộng doanh thu hoạt động tài chính	50		662.943	560.875
II. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
2.1. Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	51		-	47.924
Cộng chi phí tài chính	60		-	47.924
III. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	9	825.487.814	540.438.732
IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	70		(824.824.871)	(539.925.781)
V. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
5.1. Chi phí khác	72		-	3.480
Cộng kết quả hoạt động khác	80		-	(3.480)
VI. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ	90		(824.824.871)	(539.929.261)
6.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91		(824.824.871)	(539.929.261)
VII. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP	100	10	-	-
7.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1		-	-
VIII. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN	200		(824.824.871)	(539.929.261)

Hà Nội, ngày 09 tháng 08 năm 2022

Người lập

Phụ trách kế toán





Lương Thị Hải Lý

Lương Thị Hải Lý

Đặng Quốc Hùng

BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

MẪU SỐ B03a - CTCK
Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Kỳ này	Kỳ so sánh
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước Thuế Thu nhập doanh nghiệp	01	(824.824.871)	(539.929.261)
2. Điều chỉnh cho các khoản:	02		
- Khấu hao TSCĐ	03	9.705.444	17.432.718
- Lãi / (lỗ) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện.	05	(205.614)	47.924
- Lãi từ hoạt động đầu tư	07	(457.329)	(560.875)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30	(815.782.370)	(523.009.494)
- Tăng/giảm các khoản phải thu khác	39	-	5.493.552.480
- Tăng/giảm các tài sản khác	40	(1.612.029)	-
- Tăng/giảm chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41	(5.000.000)	(5.000.000)
- Tăng/giảm chi phí trả trước	42	(7.932.576)	550.946
- Thuế TNDN đã nộp	43	-	-
- Tăng/giảm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47	2.139.222	1.062.947
- Tăng/giảm phải trả, phải nộp khác	50	7.470.560	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60	(820.717.193)	4.967.156.879
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản	65	457.329	560.875
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70	457.329	560.875
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80	-	-
IV. Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ			
90	(820.259.864)	4.967.717.754	
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ			
101	18.405.004.020	14.169.301.643	
Tiền	101.1	18.405.168.030	14.169.295.658
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	102	(164.010)	5.985
VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ			
103	17.584.949.770	19.335.247.250	
Tiền	103.1	17.584.744.156	19.335.295.174
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	104	205.614	(47.924)

Hà Nội, ngày 09 tháng 08 năm 2022

Người lập



Lương Thị Hải Lý

Phụ trách kế toán



Lương Thị Hải Lý



Đặng Quốc Hùng

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

MẪU SỐ B04a - CTCK
Đơn vị tính: VND
Số dư cuối kỳ

CHỈ TIÊU	<u>Số dư đầu kỳ</u>		<u>Số tăng/giảm</u>		<u>Số dư cuối kỳ</u>	
	Tại 01/01/2021	Tại 01/01/2022	Tăng	Giảm	Tại 30/06/2021	Tại 30/06/2022
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	20.879.456.000	20.879.456.000	-	-	20.879.456.000	20.879.456.000
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	20.823.458.000	20.823.458.000	-	-	20.823.458.000	20.823.458.000
1.2. Vốn khác của chủ sở hữu	55.998.000	55.998.000	-	-	55.998.000	55.998.000
2. Lợi nhuận chưa phân phối	(950.991.946)	(2.345.106.233)	-	539.929.261	(1.490.921.207)	(3.169.931.104)
2.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	(950.991.946)	(2.345.106.233)	-	539.929.261	(1.490.921.207)	(3.169.931.104)
Tổng cộng	19.928.464.054	18.534.349.767	-	539.929.261	19.388.534.793	17.709.524.896

Hà Nội, ngày 09 tháng 08 năm 2022

Người lập



Lương Thị Hải Lý

Phụ trách kế toán



Lương Thị Hải Lý

Tổng Giám đốc



Đặng Quốc Hùng

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Chứng khoán TC Capital Việt Nam được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 91-UBCK-GP ngày 21/04/2008, Giấy phép số 314/UBCK-GP ngày 22/03/2010 và Giấy phép điều chỉnh số 66/GPDC – UBCK ngày 24/08/2018 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Vốn điều lệ của Công ty là 20.823.458.000 VND. Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Lô 6, tầng 1, Tòa nhà Hoàng Thành, 114 Mai Hắc Đế, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Số lao động của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2022 là 07 người (Số lao động tại ngày 31/12/2021 là 05 người).

Ngành nghề kinh doanh: Tư vấn đầu tư chứng khoán.

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 sửa đổi bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp, Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Tài sản cố định và khấu hao

Tài sản cố định được ghi nhận theo mô hình giá gốc trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

	Năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: lãi tiền gửi và lãi chênh lệch tỷ giá... Cụ thể như sau:

- Tiền lãi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi, cho vay và lãi suất thực tế từng kỳ.
- Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản thu nhập từ chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong kỳ của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ và lãi từ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác.

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

5. TIỀN

	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Tiền mặt (*)	17.555.222.246	717.272.646
Tiền gửi ngân hàng	29.727.524	17.687.731.374
Cộng	<u>17.584.949.770</u>	<u>18.405.004.020</u>

(*) Tại ngày 30/06/2022, Công ty đã nhận hoàn tạm ứng bằng tiền mặt và đã nộp 17 tỷ tiền mặt vào tài khoản Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Trảng An vào ngày 04/07/2022.

6. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<u>Thiết bị dụng cụ quản lý</u>
	VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2022	96.363.636
Tại ngày 30/06/2022	<u>96.363.636</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2022	76.952.755
Khấu hao trong kỳ	9.705.444
Tại ngày 30/06/2022	<u>86.658.199</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 01/01/2022	<u>19.410.881</u>
Tại ngày 30/06/2022	<u>9.705.437</u>

7. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>01/01/2022</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>30/06/2022</u>
	VND	VND	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(135.307.760)	-	-	(135.307.760)
Thuế thu nhập cá nhân	4.064.241	10.267.704	8.128.482	6.203.463
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	<u>(131.243.519)</u>	<u>13.267.704</u>	<u>11.128.482</u>	<u>(129.104.297)</u>

Trong đó:

- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	4.064.241	6.203.463
- Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	135.307.760	135.307.760

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu tình hình biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2021	20.823.458.000	55.998.000	(950.991.946)	19.928.464.054
Lỗ trong năm	-	-	(1.394.114.287)	(1.394.114.287)
Tại ngày 01/01/2022	20.823.458.000	55.998.000	(2.345.106.233)	18.534.349.767
Lỗ trong kỳ	-	-	(824.824.871)	(824.824.871)
Tại ngày 30/06/2022	20.823.458.000	55.998.000	(3.169.931.104)	17.709.524.896

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 30/06/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Ông Đặng Quốc Hùng	4.164.691.600	20,00%	4.164.691.600	20,00%
Ông Nguyễn Hoàng Thái	7.244.826.400	34,79%	7.244.826.400	34,79%
Công ty TC Capital Advisory Limited	9.413.940.000	45,21%	9.413.940.000	45,21%
Cộng	20.823.458.000	100%	20.823.458.000	100%

9. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Kỳ này VND	Kỳ so sánh VND
Chi phí nhân viên	733.934.104	460.828.477
Nguyên vật liệu, đồ dùng văn phòng	5.000.758	550.946
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.705.444	17.432.718
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.876.591
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.000.000	35.000.000
Chi phí khác	38.847.508	22.750.000
Cộng	825.487.814	540.438.732

10. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Kỳ này VND	Kỳ so sánh VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	(824.824.871)	(539.929.261)
<i>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</i>	<i>17.034.000</i>	<i>51.404</i>
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	17.034.000	51.404
Thu nhập chịu thuế	(807.790.871)	(539.877.857)
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

11. GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có giao dịch với bên liên quan sau:

Giao dịch với bên liên quan

	Kỳ này VND	Kỳ so sánh VND
Chi phí thuê xe Ông Đặng Quốc Hùng	3.000.000	3.000.000
Thu nhập ông Đặng Quốc Hùng - Tổng giám đốc	178.800.000	177.500.000

12. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.

13. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ là số liệu trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ là số liệu trên báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 đã được soát xét.

Hà Nội, ngày 09 tháng 08 năm 2022

Người lập

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc





Lương Thị Hải Lý

Lương Thị Hải Lý

Đặng Quốc Hùng